

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: 49/6/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Thủy lợi năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2025/TT-BTC ngày 09/5/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 617/TTr-SNN&MT ngày 06/11/2025 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 10873/SNN&MT-TL ngày 04/11/2025) và ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh (Văn bản xin ý kiến số 3765/VP.UBND ngày 12/11/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh, với nội dung sau:

1. Tên kế hoạch: Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.

2. Địa điểm: Tại các phường: Bình Khê, Đông Triều, Mạo Khê, Hoàng Quế và An Sinh, tỉnh Quảng Ninh.

3. Đơn vị tổ chức thực hiện: Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều.

4. Mục tiêu: Đảm bảo an toàn công trình và duy trì sự hoạt động bình thường của công trình, máy móc, thiết bị; khắc phục hư hỏng công trình, máy móc, thiết bị đảm bảo hoạt động bình thường; đảm bảo an toàn công trình, duy trì và nâng cao năng lực phục vụ của công trình, máy móc, thiết bị.

5. Nội dung thực hiện bảo trì

5.1. Kiểm định tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: Kiểm định an toàn đập, hồ

chứa nước Đồng Đồ 2.

5.2. Bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

(1). Bảo dưỡng Hệ thống thiết bị đo mực nước tự động do Công ty quản lý (16 hệ thống).

(2). Bảo dưỡng Hệ thống thiết bị quan trắc và giám sát hồ chứa nước Khe Chè (gồm các thiết bị quan trắc thấm trong thân đập, đo mực nước kênh sau cống, đo mực nước kết hợp đo mưa, giám sát độ mở cửa cống lấy nước, hệ thống thiết bị giám sát tại nhà quản lý).

5.3. Sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

(1). Sửa chữa tuyến kênh chính hồ chứa nước Đồng Đồ 2; đoạn từ Km0+100 đến Km0+440 và Km1+025 đến Km1+125.

(2). Sửa chữa đoạn kênh chính hồ chứa nước Bến Châu; đoạn từ Km0+205 đến Km0+561.

(3). Sửa chữa Xi phong Đồng Đồ 2 và Xi phong Mạo Khê.

(4). Sửa chữa 04 mái nhà quản lý hồ Bến Châu, Tân Yên, Cổ Lễ và trạm bơm Xuân Sơn.

(5). Sửa chữa tuyến kênh KC2 hồ chứa nước Khe Chè; đoạn từ Km1+231 đến Km1+331 và Km1+704 đến Km1+904.

(6). Sửa chữa đoạn kênh tiếp nước từ kênh chính KC1 hồ Khe Chè đến kênh KC1 hồ Trại Lốc1, khu vực ao sen.

(7). Sửa chữa tuyến kênh chính hồ Góc Thau; đoạn từ Km1+731 đến Km1+865.

(8). Sửa chữa kè mái kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Tân Việt.

(9). Sửa chữa nhỏ, khắc phục tạm công trình kênh muơng, nhà xưởng, thiết bị phát sinh đột xuất trong năm.

5.4. Sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

(1). Sửa chữa máy bơm các trạm bơm tiêu: Hồng Phong, Đức Chính và Kim Sơn.

(2). Nạo vét lòng hồ chứa nước Linh Sơn, khu vực sát mái thượng lưu đập.

(3). Nạo vét khu vực thượng nguồn lòng hồ chứa nước Đá Trắng.

(4). Nạo vét lòng hồ chứa nước Nhà Bò.

(5). Nạo vét lòng hồ chứa nước Tân Yên.

(Chi tiết nội dung sửa chữa, bảo trì các hạng mục công trình tại phụ biểu kèm theo).

6. Tổng kinh phí dự kiến: **44.798.958.000** đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn.).

7. Nguồn kinh phí: Từ nguồn thu trong hoạt động quản lý, khai thác công

trình thủy lợi năm 2026 và các nguồn thu hợp pháp khác của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2026 và năm 2027;

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

1. Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều (đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch).

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính cấp thiết của các nội dung công việc đưa vào kế hoạch bảo trì; tính chính xác của tài sản được giao quản lý để đảm bảo thực hiện bảo trì đúng đối tượng;

- Tổ chức triển khai các bước tiếp đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt đối với các hạng mục có tận thu sản phẩm từ hoạt động bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn kinh phí bảo trì và phát huy tốt nhiệm vụ công trình được bảo trì.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý của hồ sơ thẩm định, nội dung trình UBND tỉnh.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh trong việc thực hiện Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

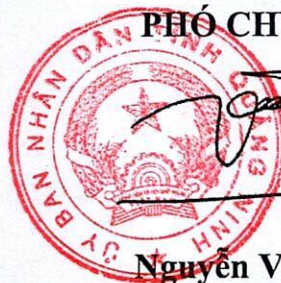
Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Kho Bạc nhà nước khu vực III – phòng Nghiệp vụ 2; Chủ tịch UBND các phường: Bình Khê, Đông Triều, Mạo Khê, Hoàng Quế và An Sinh; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- CT, các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- V0, V1, NLN3, TM3;
- Lưu: VP, NLN1 (5b-QĐ 118).

Ký bởi: Nguyễn Khắc Hiếu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Công

Phụ lục

**DANH MỤC CÁC NỘI DUNG, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRONG KẾ HOẠCH BẢO TRÌ NĂM 2026
CỦA CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐỒNG TRIỀU QUẢNG NINH**

(Kèm theo Quyết định số ~~4416~~ /QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên nội dung, hạng mục công trình thực hiện bảo trì	Giải pháp, quy mô dự kiến	Khái toán kinh phí (đồng)	Chi chú
A	Kinh phí từ nguồn thu trong hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi năm 2026 của Công ty		4.883.086.000	
I	Kiểm định tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		719.453.000	
1	Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước Đòng Đò 2	Kiểm định, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước lần đầu theo quy định kể từ ngày tích nước	719.453.000	- Theo quy định tại Điều 20 Luật Thủy lợi và Điều 18 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ; - UBND tỉnh đã phê duyệt đề cương nhiệm vụ tại Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 04/7/2025
II	Bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		150.610.000	
1	Bảo dưỡng hệ thống thiết bị đo mực nước tự động do Công ty quản lý	Sơ bộ đánh giá hiện trạng; thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế (nếu có); kiểm tra tình trạng thiết bị sau khi bảo dưỡng.	54.086.000	Điều 8 Thông tư số 29/2023/TT/BNNMT ngày 29/12/2023 của Bộ TN&MT quy định kỹ thuật đối với hoạt động của trạm khí tượng thủy văn tự động
2	Bảo dưỡng hệ thống thiết bị quan trắc và giám sát hồ chứa nước Khe Chè	Sơ bộ đánh giá hiện trạng; thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế (nếu có); kiểm tra tình trạng thiết bị sau khi bảo dưỡng.	96.524.000	
III	Sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		2.913.861.000	

STT	Tên nội dung, hạng mục công trình thực hiện bảo trì	Giải pháp, quy mô dự kiến	Khái toán kinh phí (đồng)	Chi chú
1	Sửa chữa tuyến kênh chính hồ chứa nước Đồng Đò 2; đoạn từ Km0+100 đến Km0+440 và Km1+025 đến Km1+125	- Đoạn từ Km0+100 đến Km0+440: Bọc gia cố đáy và thành trong kênh cũ bằng bê tông cốt thép; - Đoạn từ Km1+025 đến Km1+125 (hai bên đường): Sản xuất, lắp dựng tám đán bê tông cốt thép nắp kín đoạn kênh.	488.226.000	
2	Sửa chữa đoạn kênh chính hồ chứa nước Bến Châu; đoạn từ Km0+205 đến Km0+561	Bọc gia cố đáy và thành trong kênh cũ bằng bê tông cốt thép	484.282.000	
3	Sửa chữa Xi phông Đồng Đò 2 và Xi phông Mạo Khê	Thay thế đoạn ống thép bị hỏng bằng ống Inox 304, kèm theo Van xả đáy (xả cận)	270.325.000	
4	Sửa chữa 04 mái nhà quản lý hồ Bến Châu, Tân Yên, Cổ Lễ và trạm bơm Xuân Sơn	Tháo dỡ mái tôn, mái ngói cũ; sản xuất lắp dựng xà gỗ, vì kèo bằng thép hộp mạ kẽm, lợp mái bằng Tôn mui	204.498.000	
5	Sửa chữa tuyến kênh KC2 hồ chứa nước Khe Chè; đoạn từ Km1+231 đến Km1+331 và Km1+704 đến Km1+904	Bọc gia cố đáy và thành trong kênh cũ bằng bê tông cốt thép.	393.620.000	
6	Sửa chữa đoạn Kênh tiếp nước từ kênh chính KC1 hồ Khe Chè đến kênh KC1 hồ Trại Lốc1, khu vực ao sen	Gia cố đoạn kênh đất bằng kênh chữ nhật, phần đáy bê tông cốt thép, phần tường xây gạch chỉ	463.151.000	
7	Sửa chữa tuyến kênh chính hồ Góc Thau; đoạn từ Km1+731 đến Km1+865	Gia cố đoạn kênh đất bằng kênh chữ nhật, đáy đổ bê tông, tường xây gạch chỉ	241.149.000	
8	Sửa chữa kè mái kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Tân Việt	Gia cố mái kênh bằng tường xây đá hộc.	169.539.000	
9	Sửa chữa nhỏ, khắc phục tạm công trình kênh mương, nhà xường, thiết bị phát sinh đột xuất trong năm	Xây, trát, bít lỗ rỗ kênh bị vỡ đổ, rò rỉ; sửa chữa, thay thế thiết bị, động cơ máy móc...	199.071.000	
IV	Sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		1.099.162.000	

STT	Tên nội dung, hạng mục công trình thực hiện bảo trì	Giai pháp, quy mô dự kiến	Khái toán kinh phí (đồng)	Chi chú
1	Sửa chữa máy bơm các trạm bơm tiêu: Hồng Phong, Đức Chính và Kim Sơn	- Tháo máy bơm, sửa chữa, lắp đặt, căn chỉnh máy bơm, làm vệ sinh sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận của máy bơm không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; - Thay bạc và bi trục bơm, bu lông, mỡ bơm và dầu bơm...	492.471.000	Theo quy định tại khoản 5 Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9146:2012 Công trình thủy lợi – Hướng dẫn định kỳ sửa chữa các thiết bị trạm bơm
2	Nạo vét lòng hồ chứa nước Linh Sơn, khu vực sát mái thượng lưu đập	Nạo vét lòng hồ (khu vực sát mái thượng lưu đập, không bao gồm khu vực cửa vào công lấy nước đã nạo vét năm 2025)	236.258.000	
3	Nạo vét khu vực thượng nguồn lòng hồ chứa nước Đá Tráng	Nạo vét (khu vực thượng nguồn) khôi phục một phần dung tích lòng hồ	370.433.000	
B	Kinh phí từ nguồn hợp pháp khác		39.915.872.000	
I	Sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		39.915.872.000	Theo Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030
1	Nạo vét lòng hồ chứa nước Nhà Bò	Nạo vét, khôi phục dung tích lòng hồ	19.957.936.000	
2	Nạo vét lòng hồ chứa nước Tân Yên	Nạo vét, khôi phục dung tích lòng hồ	19.957.936.000	
	Tổng cộng (A+B)		44.798.958.000	
Bảng chú: Bốn mươi bốn tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn./.				